

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÔN NGỮ VĂN HÓA TRUNG QUỐC

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc

2. Mã học phần: NNTQ 002

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ tư

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sau các học phần Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thị Hồng Trang	0966518898	pthtrang@saodo.edu.vn
2	TS. Phạm Thị Thảo	0912294702	ptthao@saodo.edu.vn
3	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn
4	ThS. Hứa Thị Xuyên	0364452107	htxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần *Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc* là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức ngành chuyên sâu. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quát về ngôn ngữ Hán và nội hàm văn hóa mà nó chứa đựng. Nội dung học phần bao gồm các chuyên đề về các chủ đề như: Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tiếng Hán hiện đại, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, mối quan hệ giữa văn hóa và chữ Hán, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, vấn đề giao thoa văn hóa, ...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1.1	Trang bị kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Hán và văn hóa Trung Quốc	3	[1.2.1.2b]
MT1.2	Nắm bắt được những khái niệm chuyên sâu như: Ngôn ngữ, văn hóa, tính dân tộc, ...	3	[1.2.1.2b]
MT1.3	Kiến thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trên các bình diện: Chữ Hán, ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, tu từ và ngữ dụng.	3	[1.2.1.2b]
MT1.4	Nắm bắt được hiện tượng giao thoa văn hóa và một số hành vi ngôn ngữ trong giao thoa văn hóa.	4	[1.2.1.2b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Có năng lực nhận thức về đa dạng văn hóa, tránh những xung đột văn hóa trong các tình huống giao tiếp ngôn ngữ.	4	[1.2.2.1]
MT2.2	Có năng lực tự học, tự nghiên cứu những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa.	4	[1.2.2.1]
MT2.4	Ứng dụng các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa vào hoạt động giảng dạy học phần Từ vựng, ngữ pháp, văn học Trung Quốc, ...	4	[1.2.2.1]
MT3	Mức chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có năng lực tự nghiên cứu, thiết kế những chuyên đề liên quan đến văn hóa và ngôn ngữ.	3	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Hiểu được các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Hán và văn hóa Trung Quốc	3	[2.1.4]
CĐR1.2	Nắm bắt và phân tích được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trên các bình diện: Chữ Hán, ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, tu từ và ngữ dụng.	3	
CĐR1.3	Nắm bắt và phân tích được hiện tượng giao thoa văn hóa và một số hành vi ngôn ngữ trong giao thoa văn hóa.	4	
CĐR1.4	Diễn giải được các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc tới người khác	4	
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Vận dụng kiến thức trong học phần nâng cao nhận thức về đa dạng văn hóa, tránh những xung đột văn hóa trong các tình huống giao tiếp ngôn ngữ.	4	[2.2.3]
CĐR2.2	Có kỹ năng phân tích và làm rõ mối qua hệ giữa các đối tượng, đặc biệt là mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa.	4	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	
CĐR3.4	Có khả năng tự nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà, hoàn thành nhiệm vụ được giao.	4	[2.3.3]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần									
		CĐR1				CĐR2		CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
1	第一章 汉语言文化概说 1.1 语言与现代汉语 1.2 文化概念 1.3 中国文化的民族特点 1.4 语言与文化 1.5 对外汉语教学与文化	x				x	x	x	x	x	x
2	第二章 汉语词汇与文化 2.1 词义分类 2.2 词义与语境 2.3 汉语国俗词语 2.4 文化词语 2.5 新词新语与文化	x	x		x	x	x	x	x	x	x
3	第三章 汉语语法与文化 3.1 构词法与文化 3.2 句法与文化	x	x		x	x	x	x	x	x	x
4	第四章 汉语语音、文字与文化 4.1 汉语语音、文字	x	x		x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần									
		CĐR1				CĐR2		CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
	4.2 汉语语音与文化 4.3 汉语文字与文化										
5	第五章 汉语修辞与文化 5.1 修辞概述 5.2 汉语修辞与文化	x	x		x	x	x	x	x	x	x
6	第六章 汉语语用与文化 6.1 语用言语交际概念界定 6.2 语用言语交际 6.3 公关语言的语用原则 6.4 汉语文化作用	x	x		x	x	x	x	x	x	x
7	第七章 跨文化交际 7.1 语言与交际 7.2 跨文化交际 7.3 产生交际障碍的诸多原因 7.4 跨文化交际中值得注意的问题 7.5 跨文化交际中的几种言语行为	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Hoàn thành bài tập trả lời câu hỏi sau mỗi chương nộp cho giảng viên trước khi vào chương mới, bài kiểm tra thường xuyên.
CĐR2	Bài tập thực hành dịch viết trong giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	- Nộp bài tập theo yêu cầu của GV đúng hạn. - Tích cực tham gia các bài tập dịch nhóm.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2.	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3.	Thi kết thúc học phần	Thi tự luận	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo.

- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.

- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- *Tài liệu chính:*

[1]- Nguyễn Hữu Cầu (2004), *Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]- 万艺玲 (2000年), *汉语词汇教程*, 北京语言大学出版社

[3]- Tôn Đức Kim (2002), Giáo trình *Ngữ pháp tiếng Trung Quốc*, NXB Đại học Ngôn ngữ và Văn hóa Bắc Kinh

- *Tài liệu tham khảo:*

[4]- 徐宋才 (2011) , *中国文化常识*, 北京语言大学出版社

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	<p>第一章 汉语言文化概说</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tiếng Hán hiện đại. - Nắm bắt và hiểu rõ khái niệm về văn hóa và văn hóa Trung Quốc, có sự so sánh với văn hóa phương tây. - Tính dân tộc trong văn học Trung Quốc. - Hiểu rõ, cụ thể mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, văn hóa và dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1 语言与现代汉语 1.2 文化概念 1.3 中国文化的民族特点 1.4 语言与文化 1.5 对外汉语教学与文化 	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, video giới thiệu khái quát về đặc điểm văn hóa Trung Quốc. + Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu và giải nghĩa từ mới xuất hiện trong bài. + Phân chia nhóm, hướng dẫn thảo luận nhóm với chủ đề: 中国文化的民族特点 <p>Nhóm 1: 统一性 Nhóm 2: 连续性 Nhóm 3: 包容性 NHóm 4: 多样性</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng hệ thống câu hỏi liên quan đến nội dung chương. + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 42. [4]: Trang 115 - 141. + Lắng nghe, ghi chép, thảo luận nhóm. + Hoàn thành nhiệm vụ thảo luận nhóm được giao. 	CĐR1.1, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			<ul style="list-style-type: none"> + Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong [1] : Trang 42. 	
2	<p>第二章 汉语词汇与文化 Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt hình thức phân loại nghĩa của từ. - Có khả năng phân tích mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa từ góc độ ngữ nghĩa. - Vận dụng kiến thức về mối quan hệ giữa nghĩa của từ và ngữ cảnh giao tiếp trong tình huống giao tiếp ngôn ngữ cụ thể. - Nắm bắt và vận dụng những từ cụm từ cố định như: thành ngữ, ngạn ngữ, tục ngữ, từ mới, từ ngoại lai, từ có nội hàm văn hóa vào trong tình huống giao tiếp cụ thể. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1 词义分类 2.2 词义与语境 2.3 汉语国俗词语 2.4 文化词语 2.5 新词新语与文化 	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, bản đồ tư duy giới thiệu khái quát về mối quan hệ giữa văn hóa và từ vựng tiếng Hán. + Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nghĩa của từ mới. + Phân chia nhóm, thảo luận những chủ đề sau: Nhóm 1: 词义分类 Nhóm 2: 词义与语境 Nhóm 3: 汉语国俗词语 Nhóm 4: 汉语国俗词语 + Thiết kế câu hỏi liên quan đến từng nhóm. + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 42 - 96. [2] : Trang 129 - 185. + Giải thích được từ trọng điểm. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm. + Các nhóm cử đại diện 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			thuyết trình nội dung được giao. + Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 97.	
3	第三章 汉语语法与文化 Mục tiêu bài: - Nắm bắt mối quan hệ giữa văn hóa và cú pháp cấu tạo từ. - Nắm bắt m quan hệ giữa văn hóa và hình thức lấy tính từ ABB. - Nắm bắt mối quan hệ giữa văn hóa và cú pháp câu. Từ đó vận dụng vào hoạt động giao tiếp ngôn ngữ cụ thể. Nội dung cụ thể: 3.1 构词法与文化 3.2 句法与文化	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề. Giảng viên: + Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, bản đồ tư duy giới thiệu khái quát về mối quan hệ giữa văn hóa và ngữ pháp tiếng Hán. + Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nghĩa của từ mới. + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 98 - 123. [3]: Trang 13 - 19; 56 - 60. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm. + Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 124 - 128.	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
4	第四章 汉语语音、文字与文化 Mục tiêu bài:	6 (4LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm Giảng viên: + Sử dụng giáo án điện tử,	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>- Nắm bắt mối quan hệ giữa ngữ âm, văn tự và văn hóa.</p> <p>- Hiểu rõ tác dụng của chữ Hán trong nghiên cứu văn hóa Trung Quốc.</p> <p>- Nắm bắt các hiện tượng hài âm, vần luận trong tiếng Hán.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.1 汉语语音、文字</p> <p>4.2 汉语语音与文化</p> <p>4.3 汉语文字与文化</p> <p>* Kiểm tra giữa kỳ</p>		<p> tranh ảnh, video giới thiệu khái quát về mối quan hệ giữa văn hóa và ngữ âm, văn tự tiếng Hán.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nghĩa của từ mới.</p> <p>+ Xây dựng nội dung câu hỏi liên quan đến nội dung chương.</p> <p>+ Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>- Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 129 - 161. [2]: Trang 88 - 128.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm.</p> <p>+ Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên.</p> <p>+ Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 184 - 185. + Hoàn thành bài kiểm tra cuối kỳ.</p>	<p>CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>
5	<p>第五章 汉语修辞与文化</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Nắm bắt khái niệm “tu từ”. Mối quan hệ giữa biện pháp nghệ thuật “tu từ” và ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.</p> <p>- Hiểu rõ mối quan hệ giữa văn hóa và biện pháp tu từ trong tiếng Hán.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.1 修辞概述</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <p>+ Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, video giới thiệu khái quát về mối quan hệ giữa văn hóa và biện pháp nghệ thuật tu từ.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nghĩa của từ mới.</p> <p>+ Phân chia nhóm, giao chủ đề và hướng dẫn thảo luận</p>	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	5.2 汉语修辞与文化		nhóm. + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. Sinh viên: - Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 151 - 161. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm. + Tích cực tham gia thảo luận với chủ đề được giao. + Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong: [1] : Trang 162 - 166.	
6	第六章：汉语语用与文化 Mục tiêu bài: - Hiểu rõ mối quan hệ giữa văn hóa và ngữ dụng. - Nắm bắt được các hình thức ngữ dụng trong giao tiếp ngôn ngữ. - Nắm bắt nguyên tắc biểu đạt trong lĩnh vực ngoại giao. - Nắm bắt được chức năng của ký hiệu ngôn ngữ và các ký hiệu ngôn ngữ thường dùng. Ứng dụng trong quá trình nói và viết tiếng Trung Quốc. Nội dung cụ thể: 6.1 语用言语交际概念界定 6.2 语用言语交际	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm Giảng viên: + Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, video giới thiệu khái quát về mối quan hệ giữa văn hóa và ngữ dụng. + Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nghĩa của từ mới. + Phân chia nhóm, giao chủ đề và hướng dẫn thảo luận nhóm với hai vấn đề: (1) 汉语辞格与文化之间关系? (2) 句法修辞包括那些内容? + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. Sinh viên:	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	6.3 公关语言的语用原则 6.4 汉语文化作用		- Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 167 - 183. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm. + Tích cực tham gia thảo luận với chủ đề được giao. + Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 184 - 185.	
7	第七章 跨文化交际 Mục tiêu cụ thể: - Nắm bắt mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giao tiếp. - Hiểu rõ mối quan hệ giữa văn hóa và các lĩnh vực giao tiếp. - Nắm bắt nguyên nhân và hiện tượng xung đột ngôn ngữ. - Nắm bắt một số hành vi ngôn ngữ trong giao thoa văn hóa. - Vận dụng một số hành vi ngôn ngữ như: 称谓、问候、寒暄、请求、提议、询问、道歉、告别、祝贺、回答, ... vào tình huống giao tiếp cụ thể, Nội dung cụ thể: 7.1 语言与交际 7.2 跨文化交际 7.3 产生交际障碍的诸多	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, phát vấn, đàm thoại Giảng viên: + Giới thiệu khái quát về văn bản tác phẩm. + Hướng dẫn SV đọc hiểu chú thích. + Phân chia nhóm, giao chủ đề và hướng dẫn thảo luận nhóm, thuyết trình có sử dụng PowerPoint. + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. Sinh viên: - Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 186 - 220. [4]: Trang 221 - 248. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm. + Tích cực tham gia thảo luận với chủ đề được giao. + Các nhóm cử đại diện thuyết trình bài thảo luận. Thành viên trong nhóm trả lời câu hỏi của giảng viên	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	原因 7.4 跨文化交际中值得注意的问题 7.5 跨文化交际中的几种言语行为		và các nhóm khác đưa ra. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 221 - 223.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa